TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN ĐỒ SƠN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2017/HNGĐ-ST
Ngày 15-8-2017
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN ĐỒ SƠN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:*Ông Phạm Hữu Trường

Các Hội thẩm nhân dân:

1.Bà Hoàng Thị Yến

2. Ông Nguyễn Khắc Quyết

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tươi - Thư ký Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Vũ Duy Ninh - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 39/2017/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 5 năm 2017 về tranh chấp ly hôn và nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Phạm Thị Bích H, sinh năm 1992; cư trú tại: Tổ dân phố Đ, phường V, quận K, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Bị đơn:* Anh Đàm Văn T, sinh năm 1987; cư trú tại: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng; vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong Đơn khởi kiện ngày 15-5-2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Phạm Thị Bích H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng vào ngày 31-12-2013. Vợ chồng chung sống hòa thuận đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu

thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, anh T thường xuyên tụ tập bạn bè, hay chơi cờ bạc về khuya, không quan tâm đến vợ con nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Chị H nhiều lần bỏ về nhà mẹ bố đẻ ở nhưng được gia đình động viên chị lại cố gắng quay về chung sống cùng anh T. Tuy nhiên tình trạng hôn nhân vẫn không được cải thiện, hai anh chị không còn quan tâm đến nhau, tình cảm vợ chồng ngày càng lạnh nhạt, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn. Sau đó, chị về sống ở nhà mẹ đẻ từ tháng 7 năm 2015 khi chị H mang thai được 6 tháng, anh T cũng không gọi điện hay đến thăm chị. Từ đó đến nay, chị và anh T sống ly thân, chị không gặp gỡ, không liên lạc với anh T. Nay, chị thấy tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 con chung là cháu Đàm Thị Phương A, sinh ngày 11-11-2015. Chị H nhận nuôi cháu Phương A, nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung anh chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án, anh T đã được Tòa án tống đạt giấy triệu tập, cũng như các thông báo và quyết định của Tòa án, nhưng anh T đã không đến Tòa án để trình bày ý kiến của mình, cũng không tham gia hòa giải. Tại biên bản xác minh, làm việc với bố mẹ anh Đàm Văn T, bố mẹ anh T cho biết điều kiện, hoàn cảnh kết hôn, mâu thuẫn trong cuộc sống giữa anh T và chị H như chị H nêu là đúng. Nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do anh T thường xuyên chơi cờ bạc về khuya, chị H và gia đình đã nhiều lần khuyên bảo nhưng anh T không nghe nên vợ chồng thường xuyên cãi vã, không quan tâm đến nhau. Từ tháng 7 năm 2015, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ chị H ở, chị H và anh T sống ly thân từ đó đến nay, anh chị không liên lạc, không nói chuyện gì với nhau. Thông qua bố mẹ của mình, anh T có nguyện vọng muốn ly hôn với chị H.

Ngày 28-6-2017, anh T có thông qua ông Đàm Văn C là bố đẻ của anh, gửi đến Tòa án đơn đề nghị không tiến hành hòa giải và đề nghị xét xử vắng mặt. Do đơn của anh T không ký trước mặt Thẩm phán hoặc viết đơn tại Tòa án, đơn có chữ ký của anh T và bố anh T cùng ký nhưng không có xác nhận hợp pháp, nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử giải quyết theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và người tham gia tố tụng, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, cụ thể như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu của chị H xin ly hôn với anh T.

Về nuôi con chung: Căn cứ vào các điều 58, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đề nghị giao cháu Đàm Thị Phương A cho chị H trực tiếp nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Chị H và anh T không đề nghị Tòa án giải quyết. Vì vậy, không xem xét giải quyết.

Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016, chị H phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên toà xét xử lần thứ hai, nguyên đơn chị Phạm Thị Bích H vắng mặt nhưng có đơn đề nghị được xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Anh Đàm Văn T vắng mặt lần thứ hai. Căn cứ vào khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị H và anh T.

[2] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là quan hệ ly hôn, tranh chấp về nuôi con, bị đơn là anh Đàm Văn T cư trú tại: Tổ dân phố Q, phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Đồ Sơn, thành phố Hải Phòng.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị H và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND phường H, quận Đ, thành phố Hải Phòng năm 2013. Theo quy định tại Điều 9 và Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[4] Xét tình trạng hôn nhân: Chị H trình bày anh chị chung sống hòa thuận, hạnh phúc đến đầu năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Về nguyên nhân mâu thuẫn là do anh T chơi bời cờ bạc, anh T hay về khuya nên vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, xô xát. Chị H đã về nhà bố mẹ đẻ ở từ tháng 7 năm 2015, vợ chồng sống ly thân từ đó đến nay. Các tài liệu xác minh thể hiện chị H và anh T chung sống hòa thuận, hạnh phúc được khoảng 2 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng còn ít tuổi, suy nghĩ bồng bột nên vợ chồng không có sự thông cảm, sẻ chia cho nhau; anh T ham chơi, thường đi chơi về khuya trong khi chị H đang mang thai đứa con đầu lòng. Chị H và gia đình anh T đã khuyên bảo nhiều lần nhưng anh T không chịu thay đổi nên mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng. Đến khoảng tháng 7 năm 2015, chị H đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh chị sống ly thân từ đó đến nay. Quá trình Tòa án giải quyết đã triệu tập anh T nhiều lần, nhưng anh T không có mặt tại Tòa án để giải quyết, bỏ mặc chị H yêu cầu xin ly hôn. Xét thấy, hôn nhân của chị Hvà anh T đã đến mức độ trầm trọng, đời sống chung không còn tồn tại. Căn cứ theo khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình cần xử cho chị H và anh T được ly hôn.

[5] Về con chung: Chị H và anh T có 01 con chung là cháu Đàm Thị Phương A, sinh ngày 11-11-2015, chị H đề nghị được nuôi con. Do anh T vắng mặt, nên Tòa không tiến hành hòa giải được về con chung. Xét thấy, từ lúc chị H sinh cháu cho đến nay cháu Phương A vẫn ở cùng chị H, cháu còn dưới 36 tháng tuổi, theo quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình, cháu Phương A phải được giao cho chị H nuôi dưỡng, chị H có đủ khả năng để nuôi dưỡng cháu Phương A. Nên cần giao cháu Phương A cho chị H nuôi dưỡng là phù hợp và đúng quy định của pháp luật.

[6] Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị H không yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con, nên anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung; hoặc cho đến khi chị H và anh T có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về tài sản chung: Chị H không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[8] Về án phí: Chị H phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, sử dụng án phí và lệ phí tòa án,

1. Xử cho chị Phạm Thị Bích H được ly hôn anh Đàm Văn T.

2. Về con chung: Giao cháu Đàm Thị Phương A, sinh ngày 11-11-2015. cho chị H nuôi dưỡng đến khi cháu đủ 18 tuổi, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung. Hoặc cho đến khi chị H và anh T có sự thay đổi khác về người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Phạm Thị Bích H phải chịu án phí ly hôn là 300.000 (*Ba trăm nghìn*) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (*Ba trăm nghìn*)đồng theo biên lai số AA/2010/7221 ngày 17-5-2017 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Đồ Sơn. Chị H đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Chị H và anh T có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND quận Đồ Sơn;
- Chi cục THADS quận Đồ Sơn;
- UBND phường H;
- Lưu: HCTP, Hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Hữu Trường